

Bản án số: **01** /2021/HS-ST
Ngày 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Phụng.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 45 /TB-TA ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Cao Văn S, tên gọi khác: Đ; sinh ngày 20-8-2001 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Ngu nghiệp (Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là sinh viên); trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T (Đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1969; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: 1. Ông Hoàng T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

2. Bà Cao Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phan Thế T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P xã D, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn S ở cùng thôn nên biết gia đình ông Hoàng T thường đi đánh bắt cá trên phá Tam Giang vào sáng sớm, không có ai ở nhà, dễ dàng chiếm đoạt tài sản. Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 05-8-2020, S đến nhà ông T, thấy có ánh đèn điện trên bàn thờ, cửa chính khép hờ, cửa hông bên trái không khoá nên S đột nhập vào nhà theo lối cửa hông. Khi vào nhà, S thấy chiếc xe mô tô, hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 75C1-xxx.xx dựng cạnh bộ bàn ghế salon nhưng không có chìa khóa ở ổ điện; S lục tìm và thấy chìa khóa trong hộc nhỏ của tủ thờ. S lấy chìa khóa, dắt xe ra lối cửa chính rồi điều khiển xe vào thành phố Huế tìm nơi tiêu thụ.

Khi vào đến thành phố Huế thì trời đã sáng, lúc này S sợ bị phát hiện nên tìm gặp ông Phan Thế T, nói dối là xe bị mất chìa khóa, thuê ông T dùng xe ba gác chở xe máy chiếm đoạt được về xã Đ và cung cấp số điện thoại của sim vừa mua cho ông T liên lạc giao xe; còn S thuê xe Grap về nhà. Khi ông T đưa xe về xã Đ thì bị Công an phát hiện.

Quá trình điều tra, Cao Văn S còn khai nhận: Khoảng 04 giờ ngày 30-6-2020, sau khi đi đổ lư trên phá Tam Giang về, S gặp vợ chồng bà Cao Thị H đang đi ra hướng phá Tam Giang để đánh bắt cá, biết gia đình bà H không còn người nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. S đến nhà bà H, đột nhập vào nhà theo lối hành lang. Vào bên trong nhà, thấy bên phải sát lối vào có cửa sổ thông với nhà trên nên S leo qua cửa sổ này vào nhà trên. S lục tìm tài sản thì phát hiện cửa tủ thờ bị khóa, S thấy trên tủ có chùm chìa khóa nên lấy mở khóa tủ, lục tìm lấy được 350.000 đồng để trong túi xách màu đỏ, 1.500.000 đồng trong túi xách màu đen và 400.000 đồng trong con heo bằng nhựa, tổng cộng 2.300.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, S ra khỏi nhà bà H về nhà ngủ. Số tiền trên S đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 05-8-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô, hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 75C1-xxx.xx; 01 chiếc chìa khóa xe hiệu Honda; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát 75C1-xxx.xx; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng T; 01 chiếc mũ bảo hiểm; 01 chiếc áo sơ mi dài tay, sọc ca rô đã qua sử dụng.

Ngày 14-8-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền đã tạm giữ số tiền Việt Nam 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 24-8-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phong Điền kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô 75C1-xxx.xx là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Ngày 25 và 26-8-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền đã trả lại chiếc xe máy 75C1-xxx.xx và các đồ vật, giấy tờ cho ông Hoàng T; giao trả số tiền 2.300.000 đồng cho bà Cao Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì. Ngày 07-01-2021, Cao Văn S trình bày có bồi thường chi phí sửa chữa hư hỏng xe mô tô cho ông Hoàng T với số tiền 760.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại gì về kết luận định giá và các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Ông Hoàng T và bà Cao Thị H có đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Cao Văn S.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 30-11-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố Cao Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội; không có ý kiến bào chữa.

Tại phiên tòa, ông Hoàng T và bà Cao Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương để chăm sóc mẹ đang mắc bệnh.

Lời nói cuối cùng của bị cáo: “Bị cáo thực sự ăn năn hối cải, xấu hổ về hành vi đã gây ra; mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc cho mẹ”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Cao Văn S lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) của bà Cao Thị H vào rạng sáng ngày 30-6-2020 và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biên kiểm soát

75C1-xxx.xx, trị giá 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) của ông Hoàng T vào sáng ngày 05-8-2020; tổng giá trị tài sản hai lần chiếm đoạt là 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của tội phạm:

Cao Văn S là người đã thành niên, tuổi còn rất trẻ nhưng với thái độ coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện kém, động cơ tham lam đã lợi dụng điều kiện một số người dân tại địa bàn cư trú lao động đánh bắt cá trên đầm phá vào sáng sớm, không có mặt ở nhà để nhiều lần cố ý đột nhập vào nhà chiếm đoạt tài sản. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội lần sau có giá trị lớn hơn, nghiêm trọng hơn lần trước với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 24.500.000 đồng; tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, sau khi chiếm đoạt được xe máy đưa đi tìm nơi tiêu thụ thì bị cáo tự thấy sợ bị xử lý nên tìm cách đưa về để chủ sở hữu nhận lại. Số tiền chiếm đoạt được trong lần phạm tội trước đó đã tiêu xài hết thì bị cáo cũng đã hoàn trả lại cho người bị hại. Người bị hại có quan hệ thân thích và họ hàng với bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo tự khai nhận hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú”; quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo đã nộp số tiền chiếm đoạt của bà Cao Thị H và bồi thường chi phí sửa chữa hư hỏng xe mô tô 75C1-xxx.xx cho ông Hoàng T nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Người bị hại có đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[5] Về hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt:

Xét tính chất, mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thấy rằng cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là có cơ sở, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật,

xem xét cho bị cáo tuổi còn rất trẻ và điều kiện có mẹ đẻ đang mắc bệnh. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; các bị hại cũng tha thiết đề nghị xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần nên không thể xem là có nhân thân tốt; theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì thuộc vào trường hợp không cho hưởng án treo. Trường hợp áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ sẽ không đảm bảo yêu cầu phòng ngừa tội phạm trên địa bàn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận thỏa mãn cho bị cáo cải tạo tại địa phương được.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã quyết định xử lý trả lại các vật chứng đúng quy định nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về các vấn đề khác: Hành vi của ông Phan Thế T nhận chở xe mô tô 75C1-xxx.xx do bị cáo thuê, ông Tường không biết là tài sản phạm tội nên không đề cập xử lý là có cơ sở.

[10] Về quyền kháng cáo: Ông Phan Thế T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn S (tên gọi khác: Đ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Cao Văn S (Đ): 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Cao Văn S (Đ) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Công an tỉnh TT Huế (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Công an huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường